

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày: 28/2/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 212/2023/TLST-DS ngày 20/6/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 158/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Bé T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số B ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Đoàn Thị Yến M, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số I, ấp A, xã M, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà T, bà M cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1988; (Có mặt)

Địa chỉ: Số H A Đ ấp B, xã B, Thành phố B, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T1, sinh năm 1969;

Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền bị đơn bà T1 là ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm: 1999 (Có mặt).

Địa chỉ: Số C ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày:

*** Đối với khoản nợ của bà M:**

Ngày 03/12/2021 vào buổi sáng bà M có cho vợ chồng ông X bà T1 vay số tiền 260.000.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng.

Cũng trong ngày 03/12/2021 buổi chiều bà M tiếp tục cho bà T1 ông X vay số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng.

Ông X bà T1 vay tiền nhằm mục đích làm ăn và nuôi trồng thủy hải sản.

Kể từ thời điểm vay đến khi khởi kiện đã qua 16 tháng nhưng ông X, bà T1 không đóng lãi suất theo thỏa thuận cũng như không có trả tiền gốc cho bà M; bà M đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông X, bà T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không được.

Trước đây bà M khởi kiện yêu cầu ông X bà T1 phải trả cho bà M số tiền qua 02 lần vay là 410.000.000 đồng và lãi suất tính từ thời điểm vay đến khi khởi kiện là 16 tháng với mức lãi 1,66%/tháng là 108.896.000 đồng. Tổng vốn và lãi bà M yêu cầu ông X bà T1 phải trả cho bà M là 518.896.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn là 307.200.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng.

*** Đối với khoản nợ của bà T**

Ngày 03/11/2021 ông X bà T1 có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng lãi suất là 1,66%/tháng thời gian vay là 03 tháng.

Ngày 11/12/2021 ông X bà T1 có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng lãi suất là 1,66%/tháng thời gian vay là 03 tháng.

Vợ chồng ông X bà T1 vay tiền nhằm mục đích làm ăn và nuôi trồng thủy sản.

Ngày 31/3/2022 và ngày 04/5/2022 bà T1 có chuyển khoản 02 lần cho bà T để đóng lãi với số tiền 30.000.000 đồng; mỗi lần chuyển là 15.000.000 đồng.

Kể từ đó đến nay bà T1 không chuyển khoản đóng lãi cũng như trả vốn cho bà T đến nay đã 17 tháng.

Bà T đã nhiều lần liên hệ vợ chồng ông X, bà T1 đề yêu cầu trả nợ nhưng không thực hiện,

Trước đây bà T khởi kiện yêu cầu ông X bà T1 trả nợ gốc số tiền 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/11/2021 đối với số tiền 150.000.000 đồng là 42.330.000 đồng và lãi suất tạm tính từ ngày 11/12/2021 đối với nợ gốc 100.000.000 đồng đến thời điểm khởi kiện là 16 tháng với số tiền 38.890.000 đồng; trừ đi khoản tiền bà T1 đã chuyển khoản cho bà T 30.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể bà T yêu cầu ông X, bà T1 trả số tiền vốn là 197.500.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Đối với khoản nợ của bà Đoàn Thị Yến M

1. Đối với số tiền vay 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng): Ngày 03/12/2021, bị đơn và nguyên đơn có thỏa thuận nguyên đơn sẽ cho bị đơn vay số tiền 200.000.000đ, không ghi lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay và yêu cầu bị đơn lập giấy viết tay viết luôn phần tiền vay của bà M1 là 60.000.000đ nên giấy nợ ghi là 260.000.000đ nhưng thực tế bị đơn chỉ được nhận số tiền là 150.000.000đ, tính lãi suất là 15%. Hiện nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 260.000.000đ và kèm lãi suất là 69.056.000đ, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn nhiều lần đóng lãi, tiền vốn từ ngày vay đến nay đã vượt quá tiền vốn và lãi suất theo quy định của pháp luật.

2. Đối với số tiền vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng): Số tiền này bị đơn vay của nguyên đơn trước đây không nhớ rõ về thời gian nhưng đến ngày 03/12/2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ký nhận vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 3 tháng, không ghi lãi suất nhưng lãi suất nguyên đơn buộc bị đơn trả là 15%/ 1 tháng nhưng thực tế bị đơn chỉ nhận được 70.000.000đ phần còn lại nguyên đơn cho rằng tính lãi suất mà bị đơn còn thiếu cộng dồn vào. Bị đơn đã nhiều lần trả tiền mặt, chuyển khoản để trả tiền gốc, lãi cho nguyên đơn vào số tài khoản 72110000902475 - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ BIDV mang tên Đoàn Thị Yến M và tài khoản 7109205109860 - Ngân hàng N mang tên Ngô Thị Bé T theo yêu cầu của nguyên đơn. Giữa bị đơn và bà M liên lạc, trao đổi, xác nhận nhận tiền qua ứng dụng Zalo là số điện thoại 0918618259 của nguyên đơn. Cụ thể như sau:

1. Ngày 03/11/2021, bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 8.000.000đ, nguyên đơn có ký tên xác nhận.

2. Ngày 05/11/2021, bị đơn có trả 8.000.000đ cho nguyên đơn bà T nhận thay và có thông báo cho nguyên đơn thông qua tin nhắn Zalo.

3. Ngày 29/12/2021, bị đơn đóng lãi của tháng 12/2021 cho bà M với số tiền 40.300.000đ (Bốn mươi triệu ba trăm nghìn đồng) thông qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của bà M và bà M xác nhận đã nhận số tiền này.

4. Ngày 01/01/2022, bị đơn có chuyển trả cho nguyên đơn số tiền 22.500.000đ, nguyên đơn có xác nhận qua tin nhắn Zalo: “Dạ e nhận được tiền rồi nha C”.

5. Ngày 09/01/2022, bị đơn có chuyển cho bà T số tiền 22.500.000đ để trả bà M, bà T có xác nhận qua tin nhắn Zalo.

Không những vậy nguyên đơn đã trả tiền mặt, chuyển rất nhiều tiền cho nguyên đơn và bà T.

Bị đơn xác nhận có vay của nguyên đơn số tiền 220.000.000đ. Bị đơn nhiều lần đóng lãi, tiền vốn từ ngày vay đến nay đã vượt quá tiền vốn và lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn vay tiền mục đích tiêu dùng cá nhân, không dùng cho kinh tế hay cuộc sống gia đình, ông X không biết và không có tham gia vay số tiền này.

Đối với khoản nợ của bà Ngô Thị Bé T

1. Đối với số tiền vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng):

Vào ngày 03/11/2021, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 15%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), thời hạn trả là 03 tháng kể từ ngày vay. Hiện nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay 150.000.000đ và lãi suất 42.330.000đ, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn đã đóng tiền lãi và vốn rất nhiều lần cho nguyên đơn vượt quá số tiền vốn và lãi suất theo quy định của pháp luật.

2. Đối với số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng):

Vào ngày 11/12/2021, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất 20%/tháng, mỗi tháng đóng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên, số tiền này bị đơn đã vay của nguyên đơn từ trước đó rất lâu nhưng bị đơn không có giữ giấy tờ. Bị đơn đóng lãi rất nhiều lần cho nguyên đơn gồm đóng tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản 7109205109860 - Ngân hàng N mang tên Ngô Thị Bé T. Bị đơn và nguyên đơn có trao đổi qua Zalo là số điện thoại 0931050933 của nguyên đơn. Những lần chuyển khoản trả tiền cho nguyên đơn, khi nguyên đơn nhận được tiền đều gọi điện, nhắn tin xác nhận có nhận đủ tiền của bị đơn, cụ thể tại phần tin nhắn Zalo của nguyên đơn và bị đơn có xác nhận như sau:

1. Ngày 28/10/2021, nguyên đơn xác nhận “E nhận rồi nha c2”

2. Vào lúc 11 giờ 45 phút, ngày 30/10/2021, nguyên đơn nhắn tin hỏi thúc bị đơn đóng tiền với nội dung: “Nay sao chị chưa chuyển tiền cho e” đến 14 giờ 29 phút cùng ngày bị đơn chuyển tiền cho nguyên đơn và có nhắn tin với nội dung: “Tien do chua c”, nguyên đơn xác nhận: “Dạ, w mới nhận được nè c, e nhận rồi c” nguyên đơn xác nhận đã nhận được tiền của bị đơn chuyển vào.

3. Ngày 01/11/2021, nguyên đơn xác nhận “E nhận rồi c”

4. Ngày 07/11/2021, nguyên đơn hỏi thúc bị đơn chuyển tiền: “Nay sao chị k chuyển tiền c” đến ngày 08/11/2021 bị đơn chuyển trả tiền cho nguyên đơn và nguyên đơn xác nhận: “E nhận rồi, e nhận tiền lần 2 rồi, 2 lần 16 tr”.

5. Ngày 11/11/2021, nguyên đơn xác nhận “Dạ. e nhận được rồi c”.

6. Ngày 13/11/2021, nguyên đơn xác nhận “E nhận rồi 2”.

7. Ngày 15/11/2021, nguyên đơn xác nhận “E nhận rồi c”.

8. Ngày 17/11/2021, bị đơn nhắn tin nội dung hỏi nguyên đơn nhận tiền chưa, nguyên đơn xác nhận “Dạ, e nhận rồi c”.

9. Ngày 19/11/2021, nguyên đơn xác nhận “E nhận rồi c”.

10. Ngày 21/11/2021, nguyên đơn nhắn tin hỏi bị đơn với nội dung: “Sao chuyển có 6tr vậy c” nguyên đơn xác nhận có nhận 6.000.000đ của bị đơn.

11. Ngày 21/11/2021, nguyên đơn xác nhận “E nhận rồi x”.

12. Ngày 23/11/2021, nguyên đơn xác nhận “E nhận 108 triệu”.

13. Các ngày 25, 27, 29/10/2021, nguyên đơn xác nhận “E nhận rồi c”.

14. Ngày 01/12/2021, bị đơn nhắn tin hỏi nguyên đơn: “Tien chua do ha c” nguyên đơn xác nhận “E nhận rồi c”.

15. Ngày 01/12/2021, nguyên đơn nhắn tin nội dung nhắc nhở bị đơn: “3 tây là tới ngày (tức là ngày 03/12/2021) đóng lời 150 triệu nha” và sau đó ngày 05/12/2021 nguyên đơn xác nhận “E nhận rồi” thể hiện nguyên đơn đã nhận của bị đơn số tiền 150.000.000đ.

16. Ngày 03/01/2022, bị đơn có chuyển vào tài khoản của nguyên đơn số tiền 22.500.000đ: “C gọi chi Mai 22500 roi nha c”, nguyên đơn xác nhận: “11 tây tới đóng lời phần 100 triệu nha c, D này hôm bữa c M có nói là 20 nha nên đóng 20 triệu” thể hiện việc vay mượn nợ của bị đơn có việc nguyên đơn là bà T có nhận tiền thay cho bà M là nguyên đơn khởi kiện bị đơn trong vụ án tranh chấp tiền vay khác.

Tổng cộng bị đơn đã chuyển trả cho nguyên đơn cả gốc và lãi số tiền 406.000.000đ hơn số tiền bị đơn mượn của nguyên đơn. Nên bà T1 không đồng ý trả cho bà T. Số tiền còn lại bà T có nghĩa vụ trả cho bà M nên bà T1 không đồng ý trả cho bà M.

Việc vay mượn tiền này là cá nhân của bị đơn, ông X không có tham gia vay mượn tiền và không hề biết việc vay mượn tiền này, bị đơn sử dụng tiền cho mục đích cá nhân của bị đơn không phục vụ kinh tế hay cuộc sống gia đình bị đơn nên bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông X liên đới trả nợ số tiền nêu trên.

Tại phiên Tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đối với bà Đoàn Thị Yến M; bà M thừa nhận số điện thoại 0918618259 là của bà Đoàn Thị Yến M và bà M có nhắn tin qua lại với bà T1 thông qua ứng dụng Zalo của số điện thoại trên; Còn số tiền bà T1 chuyển cho bà M ngày 03/11/2021; ngày 05/11/2021 là số tiền của khoản vay khác vì trước đó bà M và bà T1 có làm ăn qua lại và những khoản tiền này là nhận trước thời điểm bà T1 vay khoản tiền 410.000.000 đồng của ngày 03/12/2021. Bà M thừa nhận có nhận những khoản tiền của bà T1 vào các ngày 29/12/2021 nhận số tiền 40.300.000 đồng; ngày 01/01/2022 nhận số tiền

22.500.000 đồng; ngày 09/01/2022 nhận số tiền 22.500.000 đồng; ngày 13/01/2022 nhận số tiền 17.500.000 đồng; tổng số tiền bà M nhận của bà T1 là 102.800.000 đồng; bà M đồng ý trừ khoản tiền này vào tiền vốn gốc.

Đối với khoản vay của bà Ngô Thị Bé T. Bà T thừa nhận có nhận của bà T1 số tiền 30.000.000 đồng và ngày 03/01/2022 nhận 22.500.000 đồng; tổng số tiền bà T nhận của bà T1 là 52.500.000 đồng. Bà T đồng ý trừ khoản tiền này vào số tiền vốn gốc.

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày: Đối với khoản nợ của bà M; bà T1 thừa nhận có ký vào 02 biên nhận vay tiền với tổng số tiền 410.000.000 đồng nhưng thực tế bà T1 chỉ nhận 350.000.000 đồng; ngoài những khoản tiền bà M trừ vào số vốn gốc là 102.800.000 đồng; bà M còn nhận của bà T1 số tiền 16.000.000 đồng vào các ngày 03/11/2021 và 05/11/2021.

Đối với khoản nợ của bà Bé T, bà T1 thừa nhận có vay của bà B T 02 lần với số tiền 250.000.000 đồng và bà T1 đã trả cho bà T số tiền vốn và lãi tổng cộng là 406.000.000 đồng vượt quá số tiền vốn gốc, bị đơn không đồng ý trả tiếp cho bà T. Đối với khoản vay của bà T và bà M có liên quan nhau nên khoản tiền của bà T1 trả vượt quá cho bà T thì bà T có nghĩa vụ trả lại cho bà M. Hơn nữa, cả hai khoản vay này, vay với mức lãi suất 15%/tháng nên bị đơn đã đóng lãi và trả vốn cho nguyên đơn vượt quá số tiền đã vay nên bị đơn không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Yến M và bà Ngô Thị Bé T.

**** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:***

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bé T và bà Đoàn Thị Yến M buộc bị đơn bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị Yến M số tiền số tiền vốn là 307.200.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng; buộc bị đơn bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị Bé T số tiền gốc là 197.500.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công

khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Đối với yêu cầu của đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ đối với những người chuyển tiền đóng lãi dùm cho bà T1; Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B và cửa hàng kinh doanh của những người này nhưng không làm việc được và không xác minh được họ có chuyển tiền cho bị đơn không nên không có cơ sở xem xét yêu cầu này của bị đơn.

[1.2] Đối với số tiền 60.000.000 đồng từ khoản vay ngày 03/12/2021 bị đơn không thừa nhận là vay 260.000.000 đồng theo như biên nhận mà thực tế bị đơn bà T1 chỉ nhận số tiền 200.000.000 đồng; còn số tiền 60.000.000 đồng là của bà Lê Thị M1 nhận của bà M. Đối với khoản tiền vay 60.000.000 đồng của bà M và bà M1 đã được giải quyết trong bản án dân sự sơ thẩm số 115/2023/DSST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện B nên không đưa bà M1 vào tham gia trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Đối với ông Nguyễn Văn X có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông X là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

[2.1] Tại phiên Tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà M, bà T là ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể bà M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T1 trả vốn là 307.200.000 đồng và lãi suất tính từ ngày khởi kiện ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử là 27/11/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Bà T khởi kiện yêu cầu trả vốn 197.500.000 đồng và lãi suất tính từ ngày khởi kiện ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử là ngày 27/11/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không đồng ý trả cho bà M và bà T1 khoản tiền nào.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Yến M: Bà M khởi kiện căn cứ vào biên nhận nợ ngày 03/12/2021 với 02 lần vay tổng số tiền là 410.000.000 đồng đối với biên nhận nợ này bị đơn cũng thừa nhận nên đây không phải tình tiết phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền bị đơn cho rằng biên nhận 200.000.000 đồng, bà T1 chỉ nhận có 200.000.000 đồng còn khoản tiền 60.000.000 đồng là của bà M1; nhưng trong giấy nhận nợ không thể hiện nội dung này; Hơn nữa nguyên

đơn không thừa nhận và khoản vay của bà M1 và bà M đã giải quyết trong vụ án khác. Đối với khoản tiền bị đơn cho rằng chuyển vào ngày 03/01/2021 và ngày 05/01/2021 là trước ngày ký giấy nợ nên không xem xét. Do đó lời trình bày này của đại diện ủy quyền bị đơn là không có cơ sở xem xét. Đại diện ủy quyền nguyên đơn đồng ý trừ vào khoản tiền của bị đơn đã trả là 102.800.000 đồng đây là tình tiết không phải chứng minh nên có cơ sở xác nhận bà T1 còn nợ bà M số tiền vốn là 307.200.000 đồng.

[2.2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bé T: Bà T căn cứ vào biên nhận ngày 03/01/2021 vay số tiền 250.000.000 đồng bị đơn bà T1 cũng thừa nhận có vay của bà T số tiền 250.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện ủy quyền bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn hơn số tiền đã vay tổng cộng là 406.000.000 đồng bao gồm những tin nhắn thông qua zalo nhưng những tin nhắn này có nội dung ghi em nhận được rồi có tin nhắn ghi số tiền nhưng những khoản tiền này là sau ngày vay có vài ngày và chưa phát sinh thời hạn trả tiền vốn và lãi nên những nội dung này không có cơ sở xem xét.

Đại diện ủy quyền nguyên đơn đồng ý trừ vào khoản tiền 52.500.000 đồng nên ghi nhận.

Từ những cơ sở trên có căn cứ xác nhận bà T1 còn nợ bà T số tiền 197.500.000 đồng do bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn xét thấy: Bị đơn cho rằng đã đóng lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất 15%/tháng nhưng trong giấy nhận nợ không thỏa thuận về lãi suất và bị đơn cũng không chứng minh được đã đóng lãi cho nguyên đơn với mức lãi 15%/tháng; nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ khi khởi kiện ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/11/2024 là 0,83%/tháng là phù hợp với lãi suất ngân hàng Nhà nước quy định; phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận và lãi suất được tính như sau:

Bà Đoàn Thị Yến M là $307.200.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} \times 0,83\% = 49.040.000 \text{ đồng}$. Tổng gốc và lãi là 356.240.000 đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

Bà Ngô Thị Bé T là $197.500.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} \times 0,83\% = 31.528.000 \text{ đồng}$. Tổng gốc và lãi là 229.028.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu không trăm hai mươi tám ngàn đồng).

[2.3] Đối với yêu cầu của bà Đoàn Thị Yến M và bà Ngô Thị Bé T về việc buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn X phải chịu trách nhiệm liên đới cùng trả nợ xét thấy: mặc dù ông X không ký vào biên nhận tại thời điểm đưa tiền nhưng nội dung biên nhận ghi mục đích vay về để làm ăn phục vụ kinh tế gia đình và tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B xác nhận bà T1 và ông X có đăng ký kết hôn và cùng sinh sống làm ăn kinh tế chung, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông X phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T1 trả khoản nợ này cho bà M, bà T. Do đó, yêu cầu của bà M, bà T về việc buộc ông X phải liên đới cùng bà T1 trả nợ là có cơ sở, được HĐXX chấp nhận.

[2.4] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Yến M, bà Ngô Thị Bé T được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

Đối với khoản vay của bà Đoàn Thị Yến M là $356.240.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.812.000 \text{ đồng}$ (Mười bảy triệu tám trăm mười hai ngàn đồng);

Đối với khoản vay của bà Ngô Thị Bé T là $229.080.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.451.000 \text{ đồng}$ (Mười một triệu bốn trăm năm mươi một ngàn đồng).

Tổng số tiền án phí ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị T1 phải chịu là 29.263.000 đồng. (Hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 92, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Yến M và bà Ngô Thị Bé T đối với bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn X về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn X phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đoàn Thị Yên M số tiền là 356.240.000 đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng). Trong đó số tiền gốc là 307.200.000 đồng và số tiền lãi là 49.040.000 đồng.

Buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn X phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Bé T số tiền là 229.028.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu không trăm hai mươi tám ngàn đồng). Trong đó số tiền gốc là 197.500.000 đồng và số tiền lãi là 31.528.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn X phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 29.263.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Đoàn Thị Yên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.378.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006384 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị Bé T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.222.000 đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006383 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp

luật đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu